

Bài 3 : SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI VẬT CHẤT

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được :

1. Về kiến thức

– Hiểu được khái niệm vận động, phát triển theo quan điểm của chủ nghĩa DVBC.

– Biết được vận động là phương thức tồn tại của vật chất. Phát triển là khuynh hướng chung của quá trình vận động của sự vật và hiện tượng trong thế giới khách quan.

2. Về kĩ năng

– Phân loại được năm hình thức vận động cơ bản của thế giới vật chất.

– So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.

(1) Theo sách *Sinh học 12*, chương trình cải cách, NXB Giáo dục, tái bản năm 2005.

3. Về thái độ

– Xem xét sự vật và hiện tượng trong sự vận động và phát triển không ngừng của chúng, khắc phục thái độ cứng nhắc, thành kiến, bảo thủ trong cuộc sống cá nhân, tập thể.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

– Trọng tâm của bài : Quan điểm của Triết học Mác – Lê-nin về sự vận động và phát triển.

– Mức độ yêu cầu : HS hiểu được và giải thích được một cách phổ thông thế nào là vận động, thế nào là phát triển ; chứng minh được sự vận động và phát triển là tất yếu, phổ biến ở mọi sự vật và hiện tượng.

– Ngoài những nội dung cơ bản nói trên, với yêu cầu dạy học có phân hoá, GV có thể giảng thêm, ra bài tập thêm đối với những HS khá, giỏi về khái niệm đứng im, quan hệ giữa vận động và đứng im.

2. Về PPDH và hình thức tổ chức dạy học

– Trên cơ sở nội dung bài học đã được xác định, lựa chọn PPDH nào cho sát với đối tượng, có hiệu quả là công việc hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực sư phạm của GV.

– Việc sử dụng một phương pháp hoặc kết hợp giữa các phương pháp truyền thống và hiện đại đều có những giá trị nhất định. Theo hướng đổi mới phương pháp, trong SGK, tác giả đã dụng ý dùng những câu hỏi tìm tòi để gợi ý, nhằm giúp HS làm việc nhiều hơn, tư duy nhiều hơn, tạo điều kiện để HS phát triển khả năng độc lập suy nghĩ.

3. Về phương tiện dạy học

– Trong tình hình hiện nay, dạy môn GDCC cần được trang bị các máy chiếu, đầu vi-đê-ô. Chọn một số băng hình có nội dung thích hợp minh hoạ cho một số bài. Bài này, có thể chiếu các đoạn phim về sự hình thành vỏ trái đất, sự hình thành các giống, loài v.v... Qua đó, HS sẽ có hiểu biết sinh động hơn về khái niệm

vận động, các hình thức vận động và khái niệm phát triển, khuynh hướng của sự phát triển v.v...

– Với bài này, GV có thể vẽ các sơ đồ về các chiều hướng của sự vận động, quan hệ giữa các hình thức vận động (xem Tư liệu tham khảo), chuẩn bị những bộ tranh minh hoạ về sự phát triển v.v...

4. Về kiểm tra, củng cố

a) *Gợi ý trả lời câu hỏi và giải bài tập*

Câu hỏi số 6 phần Bài tập đáp án như sau :

Vận động cơ học : a, d

Vận động vật lí : c, g

Vận động hoá học : đ

Vận động sinh học : e, h

Vận động xã hội : b, i

b) *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*

– Em hãy phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa vận động và phát triển.

– Hãy chứng minh rằng, vận động là phương thức tồn tại của sự vật và hiện tượng, phát triển là khuynh hướng chung của mọi sự vật và hiện tượng.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. Phần mở bài

Có thể :

– Ta chỉ có thể nhận thức được sự vật thông qua sự vận động của chúng. Ăng-ghe-n khăng định : "Một vật không vận động thì không có gì mà nói cả".

– Tục truyền : Trong một cuộc tranh luận giữa các nhà Triết học cổ đại Hi Lạp, một bên khăng định sự vật là tĩnh tại, bất động ; còn bên kia thì ngược lại. Thay cho lời tranh luận, một nhà triết học đã đứng dậy, rời bỏ phòng họp. Cử chỉ ấy nói lên ông ta thuộc phía nào của cuộc tranh luận ?

2. Phân tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Khái niệm vận động

** Mức độ kiến thức*

Cần hiểu rõ vận động là mọi sự biến hoá (biến đổi) nói chung của các sự vật và hiện tượng trong giới tự nhiên và đời sống xã hội. Tránh cách hiểu phiến diện : Vận động chỉ là sự thay đổi vị trí của các vật thể trong không gian (chỉ là vận động cơ học) hoặc vận động chỉ là hình thức hoạt động riêng của xã hội (vận động viên điền kinh, vận động bầu cử v.v...).

** Cách thực hiện*

Ngoài những ví dụ đã có trong SGK, GV cần hướng dẫn HS tìm thêm các ví dụ để họ có thể tự rút ra kết luận về nội hàm của khái niệm vận động.

b) Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Vận động là phương thức tồn tại của thế giới vật chất

** Mức độ kiến thức*

Đây là vấn đề rất trừu tượng, rất khó. Bài này chỉ yêu cầu HS biết được : Thế giới vật chất biểu hiện sự tồn tại của mình ở vật thể (dạng cụ thể của vật chất), bất cứ vật thể nào cũng tồn tại bằng vận động, trong vận động.

** Cách thực hiện*

Cũng như cách thức nêu trên, SGK đã đưa ra một số ví dụ, hướng dẫn HS tự rút ra kết luận : Vận động là thuộc tính vốn có, là phương thức tồn tại của các sự vật và hiện tượng.

Trong SGK có nêu lên một phản chứng về vận động : Con tàu thì vận động, đường tàu thì không. Phản chứng này nhằm đào sâu suy nghĩ của HS, và có thể giảng cho những HS khá, giỏi về khái niệm đứng im, mối quan hệ giữa vận động và đứng im (xem Tư liệu tham khảo).

c) Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Các hình thức vận động cơ bản của thế giới vật chất

** Mức độ kiến thức*

Mỗi sự vật và hiện tượng đều gắn liền với nhiều hình thức vận động khác nhau, trong đó có một hình thức đặc trưng cho sự vật và hiện tượng. Tuy có những

ý kiến khác nhau về các hình thức vận động của vật chất, nhưng 5 hình thức cơ bản mà Ăng-ghe-nê nêu ra vẫn giữ nguyên giá trị. Yêu cầu HS cần nắm được nội dung của mỗi hình thức vận động, mỗi hình thức vận động này là đối tượng nghiên cứu của một ngành khoa học tương ứng.

Trong SGK chỉ phân loại các hình thức vận động theo trình tự từ thấp đến cao và khẳng định rằng các hình thức vận động có quan hệ hữu cơ với nhau, trong những điều kiện nhất định chúng có thể chuyển hoá lẫn nhau. Chú ý rằng, khái niệm cao, thấp có nghĩa là các hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở các hình thức vận động thấp, bao hàm trong nó tất cả các hình thức vận động thấp hơn ; trong khi các hình thức vận động thấp không có khả năng bao hàm các hình thức vận động ở trình độ cao hơn (xem Tư liệu tham khảo).

** Cách thực hiện*

Theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động học tập của HS, GV có thể sử dụng sơ đồ (xem Tài liệu tham khảo) để phát vấn, ra bài tập, kiểm tra HS.

d) *Day học đơn vị kiến thức 4 : Khái niệm phát triển*

** Mức độ kiến thức*

Bài này chưa đi sâu lí giải về nguồn gốc, cách thức của sự phát triển. Trong khuôn khổ bài này, chỉ yêu cầu HS thấy được mối quan hệ giữa vận động và phát triển. Nắm được nét đặc trưng của sự phát triển là cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu. Không nên nhầm lẫn phát triển là mọi sự biến hoá nói chung (quan điểm tiến hoá luận tầm thường), càng không nên cho rằng : bất cứ sự vật nào, hiện tượng nào mới xuất hiện, khác trước (mới lạ) đều là kết quả của phát triển.

** Cách thực hiện*

Thế nào là phát triển ? Thế nào là cái mới ? Thế nào là cái tiến bộ ?

Đây là những phạm trù rất trừu tượng, rất khó, nhất là khi xem xét các hiện tượng xã hội theo những quan điểm giai cấp khác nhau. Vì vậy, GV cần hướng dẫn HS đưa ra được nhiều dẫn chứng trong giới tự nhiên, đời sống xã hội và lĩnh vực ý thức để thấy được bản chất của khái niệm phát triển, đồng thời, phải nắm vững quan điểm duy vật lịch sử khi khẳng định về cái mới, cái tiến bộ của các hiện tượng xã hội.

e) *Dạy học đơn vị kiến thức 5* : Phát triển là khuynh hướng tất yếu của quá trình vận động của sự vật và hiện tượng

** Mức độ kiến thức*

Bài này chỉ mới đề cập phát triển là khuynh hướng chung của quá trình vận động của sự vật và hiện tượng, chưa đi sâu giải quyết vấn đề hình thức của sự phát triển. Vì vậy, chỉ yêu cầu HS thấy được : vận động có nhiều khuynh hướng (tiến lên, thụt lùi, tuần hoàn). Trong đó, vận động tiến lên (phát triển) là khuynh hướng tất yếu, khuynh hướng thống trị.

** Cách thực hiện*

GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức của nhiều môn học (liên môn) để làm sáng tỏ vấn đề trên.

3. Phần củng cố

Nhằm hệ thống hoá, khắc sâu kiến thức, GV có thể hướng dẫn HS :

– Làm bảng tóm tắt các khái niệm : Thuộc tính, phương thức, vận động, phát triển (kèm theo ví dụ).

– Điền các ví dụ vào sơ đồ năm hình thức vận động (Tư liệu tham khảo) và giải thích tại sao hình thức vận động sau cao hơn hình thức vận động trước.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

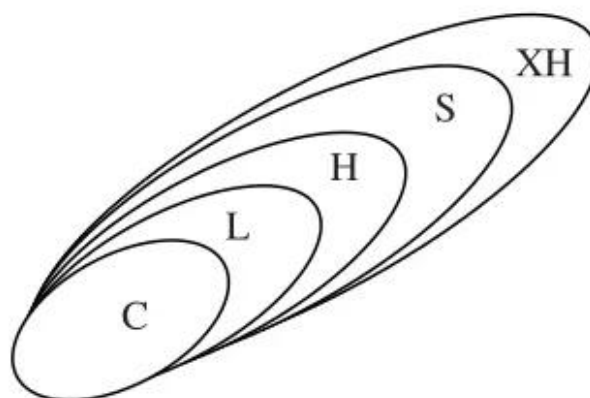
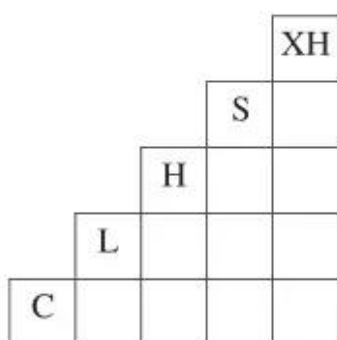
1. Vận động và đứng im : Thế giới vật chất bao giờ cũng ở trong quá trình vận động không ngừng. Nhưng điều đó không loại trừ mà còn bao hàm trong đó hiện tượng đứng im tương đối. Không có hiện tượng đứng im tương đối thì không có một sự vật, hiện tượng nào tồn tại được. Ăng-ghe-n viết : "Khả năng đứng im tương đối của các vật thể, khả năng cân bằng tạm thời là những điều kiện chủ yếu của sự phân hoá của vật chất"⁽¹⁾.

Hiện tượng đứng im chỉ xảy ra đối với một hình thức vận động trong một lúc nào đó, trong một quan hệ nhất định. Ăng-ghe-n viết : "Mọi trạng thái đứng im, mọi trạng thái thăng bằng đều chỉ là tương đối, chỉ có ý nghĩa nếu đem so với một

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, *Toàn tập, Sđd*, Tập 20, tr. 740.

hình thức vận động nhất định nào đó. Ví dụ, một vật thể nào đó trên trái đất có thể ở trạng thái thăng bằng cơ giới, nghĩa là ở trạng thái tĩnh theo ý nghĩa cơ học ; nhưng điều đó hoàn toàn không ngăn cản vật thể ấy tham dự vào vận động của Trái Đất, cũng như vào vận động của toàn bộ thái dương hệ cũng như hoàn toàn không ngăn cản những phần tử vật lí nhỏ nhất của vật thể đó bị nhiệt độ của nó làm cho dao động hoặc cũng không ngăn cản những nguyên tử của vật thể đó thực hiện một quá trình hoá học nào đó⁽¹⁾.

2. Sơ đồ quan hệ giữa 5 hình thức vận động



Chú thích :

- C : Vận động cơ học
- L : Vận động vật lí
- H : Vận động hoá học
- S : Vận động sinh học
- XH : Vận động xã hội

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, *Toàn tập, Sdd*, Tập 20, tr. 89.